

Số: 416 /TB - UBND

Xuân Mai, ngày 18 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với Phương sắp xếp thôn trên địa bàn xã Xuân Mai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 07/6/2026 của UBND xã về việc tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình về phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã.

Ủy ban nhân dân xã Xuân Mai thông báo niêm yết công khai kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với Phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai

Niêm yết công khai kết quả tổng hợp lấy ý kiến Nhân dân đối với phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Xuân Mai như sau:

- Tổng số hộ gia đình trên địa bàn các thôn lấy ý kiến: 12.323 hộ.
- Số cử tri đại diện hộ gia đình tham gia lấy ý kiến: 11.855 đạt tỷ lệ 96,20% so với tổng hộ gia đình.

1.1. Đối với nội dung lấy ý kiến Nhân dân về phương án sắp xếp

- Số phiếu đồng ý: 11.050 phiếu, tỷ lệ 93,21% so với tổng số hộ gia đình tham gia ý kiến.
- Số phiếu không đồng ý: 805 phiếu, tỷ lệ 6,79% so với tổng số hộ gia đình tham gia ý kiến.
- Số cử tri đại diện hộ gia đình có ý kiến khác: Không có.

1.2. Đối với nội dung lấy ý kiến Nhân dân về tên gọi

- Số phiếu đồng ý: 10.749 phiếu, tỷ lệ 90,67% so với tổng số hộ gia đình tham gia ý kiến.
- Số phiếu không đồng ý: 532 phiếu, tỷ lệ 4,49% so với tổng số hộ gia đình tham gia ý kiến.
- Số cử tri đại diện hộ gia đình có ý kiến khác: 574 phiếu, tỷ lệ 4,84% so với tổng số hộ gia đình tham gia ý kiến.

(Kèm theo Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân)

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 18/6/2026 đến ngày 22/6/2026.



3. Hình thức niêm yết

- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Xuân Mai.
- Niêm yết tại Nhà văn hóa các thôn thuộc diện sắp xếp trên địa bàn xã Xuân Mai.
- Thông báo trên trang thông tin điện tử xã, trên hệ thống truyền thanh xã.

Ủy ban nhân dân xã Xuân Mai thông báo để các cơ quan, đơn vị, cá nhân và Nhân dân trên địa bàn xã được biết./. //

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chu Văn Khang





BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả lấy ý kiến Nhân dân về phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Xuân Mai
(Ban hành kèm theo Thông báo số 416/TB-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Mai)

1. Đối với phương án sắp xếp thôn

STT	Thôn	Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình	Số người tham gia cho ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số ý kiến đồng ý	Tỷ lệ đồng ý (%)	Số ý kiến không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ ý kiến khác	Ghi Chú
1	Chiến Thắng	1002	848	84,63	428	50,47	420	49,53	0	-	
2	Tân Mai	390	390	100	390	100,00	0	-	0	-	
3	Xuân Hà	682	661	96,92	661	100,00	0	-	0	-	
4	Đồng Vai	205	205	100	205	100,00	0	-	0	-	
5	Tiên Xuân	593	593	100	587	98,99	6	1,01	0	-	
6	Bùi Xá	112	112	100	109	97,32	3	2,68	0	-	
7	Tiên An	549	525	95,63	523	99,62	2	0,38	0	-	
8	Tiên Trọng	307	270	87,95	270	100,00		-	0	-	
9	Cầu Tiên	79	79	100	79	100,00	0	-	0	-	
10	Trí Thủy	415	397	95,66	397	100,00	0	-	0	-	
11	Thôn Bốn	201	201	100	200	99,50	1	0,50	0	-	
12	Gò Cáo	365	365	100	333	91,23	32	8,77	0	-	
13	Xuân Linh	390	390	100	390	100,00	0	-	0	-	
14	Xuân Trung	969	898	92,67	622	69,27	276	30,73	0	-	
15	Xuân Sen	537	537	100	537	100,00	0	-	0	-	
16	Xuân Long	458	449	98,035	418	93,10	31	6,90	0	-	
17	Tiên Tiên	578	578	100	578	100,00	0	-	0	-	
18	Đôi Chè	241	241	100	241	100,00	0	-	0	-	
19	Tân Hội	506	461	91,11	457	99,13	4	0,87	0	-	
20	Phương Hạnh	349	348	99,71	348	100,00	0	-	0	-	



21	Nam Hải	351	351	100	350	99,72	1	0,28	0	-	
22	Nhân Lý	355	355	100	355	100,00	0	-	0	-	
23	Hạnh Bồ	87	87	100	85	97,70	2	2,30	0	-	
24	Việt An	462	442	95,67	418	94,57	24	5,43	0	-	
25	Hạnh Côn	247	247	100	247	100,00	0	-	0	-	
26	Đông Tiên	570	570	100	570	100,00	0	-	0	-	
27	Nam Sơn	323	319	98,76	319	100,00	0	-	0	-	
28	Đồi Mít	205	193	94,15	193	100,00	0	-	0	-	
29	Đông Nam	211	209	99,05	206	98,56	3	1,44	0	-	
30	Núi Bè	221	219	99,10	219	100,00	0	-	0	-	
31	Đồi Miếu	287	239	83,28	239	100,00	0	-	0	-	
32	Đồi Ngai	76	76	100	76	100,00	0	-	0	-	
	Tổng cộng	12323	11855	96,20	11050	93,21	805	6,79			

2. Đối với phương án về tên gọi thôn

STT	Thôn	Tổng số cử tri đại diện hộ gia đình	Số người tham gia cho ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số ý kiến đồng ý	Tỷ lệ đồng ý (%)	Số ý kiến không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ ý kiến khác	Ghi chú
1	Chiến Thắng	1002	848	84,63	848	100,00	0	-	0	-	
2	Tân Mai	390	390	100	390	100,00	0	-	0	-	
3	Xuân Hà	682	661	96,92	661	100,00	0	-	0	-	
4	Đông Vai	205	205	100	205	100,00	0	-	0	-	
5	Tiên Xuân	593	593	100	587	98,99	6	1,01	0	-	
6	Bùi Xá	112	112	100	109	97,32	3	2,68	0	-	
7	Tiên Ân	549	525	95,63	523	99,62	2	0,38	0	-	
8	Tiên Trọng	307	270	87,95	31	11,48	0	-	239	88,52	239 ý kiến khác đề nghị đặt tên Tiên Ân
9	Cầu Tiên	79	79	100	79	100,00	0	-	0	-	
10	Trí Thủy	415	397	95,66	397	100,00	0	-	0	-	



11	Thôn Bồn	201	201	100	199	99,00	1	0,50	1	0,50	1 ý kiến khác đề nghị đặt tên Thủy Xuân Tiên
12	Gò Cáo	365	365	100	268	73,42	97	26,58	0	-	
13	Xuân Trung	969	898	92,67	622	69,27	276	30,73	0	-	
14	Xuân Linh	390	390	100	390	100,00	0	-	0	-	
15	Xuân Long	458	449	98,03	365	81,29	81	18,04	3	0,67	3 ý kiến khác đặt tên Xuân Long
16	Xuân Sen	537	537	100	537	100,00	0	-	0	-	
17	Đôi Chè	241	241	100	241	100,00	0	-	0	-	
18	Tiên Tiên	578	578	100	578	100,00	0	-	0	-	
19	Tân Hội	506	461	91,11	126	27,33	4	0,87	331	71,80	331 ý kiến khác Đề nghị đặt tên Tân Phương
20	Phương Hạnh	349	348	99,71	348	100,00	0	-	0	-	
21	Nhân Lý	355	355	100	355	100,00	0	-	0	-	
22	Nam Hải	351	351	100	346	98,58	5	1,42	0	-	
23	Hạnh Bồ	87	87	100	85	97,70	2	2,30	0	-	
24	Việt An	462	442	95,67	442	100,00	0	-	0	-	
25	Hạnh Côn	247	247	100	211	85,43	36	14,57	0	-	
26	Đông Tiên	570	570	100	570	100,00	0	-	0	-	
27	Nam Sơn	323	319	98,76	302	94,67	17	5,33	0	-	
28	Đôi Mít	205	193	94,15	193	100,00	0	-	0	-	
29	Đông Nam	211	209	99,05	207	99,04	2	0,96	0	-	
30	Núi Bé	221	219	99,10	219	100,00	0	-	0	-	
31	Đôi Miếu	287	239	83,28	239	100,00	0	-	0	-	
32	Đôi Ngai	76	76	100	76	100,00	0	-	0	-	
	Tổng cộng	12323	11855	96,20	10749	90,67	532	4,49	574	4,84	